

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: **03/6/2020**

V/v tranh chấp **ly hôn, về nuôi con.**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Anh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Phan Tấn Tài;**

**2. Ông Trịnh Văn Bé;**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày **03 tháng 6** năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **121/2020/TLST-HNGĐ** ngày **06 tháng 02 năm 2020** về tranh chấp “ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **124/2020/QĐXX-ST** ngày **17 tháng 4** năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hùng Tr, sinh năm 1974; địa chỉ: số 1226, khu dân cư ấp T, xã H, huyện M, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Võ Thị Thúy L, sinh năm 1975; địa chỉ: số 1226, khu dân cư ấp T, xã H, huyện M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Hùng Tr trình bày: Anh và chị Võ Thị Thúy L tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 18 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, đến cách nay khoảng 10 tháng thì vợ chồng mâu thuẫn mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống đến nay. Từ khi không còn chung sống, hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị Thúy L. Về con chung: Trong thời gian chung

sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Bích Tr1, sinh ngày 26/8/2002 và Nguyễn T, sinh ngày 20/7/2003 (hiện chị L chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh Tr đồng ý để chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, anh Tr không cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, anh Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Võ Thị Thúy L được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị L vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hùng Tr và bà Võ Thị Thúy L kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 25/4/2002 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc được 18 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và ly thân từ 10 tháng nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, ông Tr yêu cầu ly hôn với bà L. Xét thấy, từ khi ông Tr gửi đơn ly hôn, bà L không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, ông Tr xác định không còn tình cảm với bà L, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông Tr và bà L đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nếu tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc nên ông Tr yêu cầu ly hôn đối với bà L là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Bích Tr1, sinh ngày 26/8/2002 và Nguyễn T, sinh ngày 20/7/2003. Hiện, cháu Tr1, cháu T đang sống với bà L. Khi ly hôn ông Tr đồng ý để bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr1, cháu Thông, ông Tr không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành đến địa phương ghi nhận ý kiến của các cháu Tr1, T nhưng các cháu không có mặt tại địa phương. Hiện, 02 cháu đang sống chung với bà L, ông Tr đồng ý để bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, bà L không có ý kiến về việc nuôi con nên tiếp tục giao 02 cháu Tr1 và T cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Do bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hùng Tr đối với bà Võ Thị Thúy L.

- Bà Võ Thị Thúy L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Bích Tr1, sinh ngày 26/8/2002 và Nguyễn T, sinh ngày 20/7/2003, ông Nguyễn Hùng Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Hùng Tr yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị Thúy L, chị L có nơi cư trú ấp T, xã H, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn chị Võ Thị Thúy L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng chị L vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L là có căn cứ.

[3] Anh Nguyễn Hùng Tr yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị Thúy L. Anh Tr và chị L có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo anh Tr trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc đến cách nay hơn 10 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cãi nhau nên mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn và không còn chung sống đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị Thúy L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc anh Tr yêu cầu ly hôn và triệu tập chị L tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng chị L vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của anh Tr. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Tr và chị L đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống cách nay hơn 10 tháng. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tr là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, anh Tr xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Bích Tr1, sinh ngày 26/8/2002 và Nguyễn T, sinh ngày 20/7/2003 (02 con chung hiện chị L chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh Tr đồng ý để chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, các cháu Tr1 và T do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại địa phương thì các cháu vắng mặt tại nhà nên không ghi nhận được ý kiến của các cháu và trong quá trình giải quyết chị L cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu này của anh Tr. Do đó, để chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Tr1 và T là phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Anh Tr trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Anh Tr trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ:** - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hùng Tr đối với chị Võ Thị Thúy L.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hùng Tr được ly hôn với chị Võ Thị Thúy L.

Giấy chứng nhận kết hôn **số 16, ngày 25 tháng 4 năm 2002** do Ủy ban nhân dân **xã H**, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Hùng Tr **và** chị Võ Thị Thúy L không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Võ Thị Thúy L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Bích Tr1, sinh ngày 26/8/2002 và Nguyễn T, sinh ngày 20/7/2003 (02 con chung hiện chị L chăm sóc, nuôi dưỡng). Anh Nguyễn Hùng Tr không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Chị Võ Thị Thúy L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Hùng Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh Nguyễn Hùng Tr và chị Võ Thị Thúy L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc anh Nguyễn Hùng Tr xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì anh Nguyễn Hùng Tr

và chị Võ Thị Thúy L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh Nguyễn Hùng Tr phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0007978 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 05/02/2020. Anh Tr đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Thư**

